

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2025

V/v tranh chấp “Ly hôn và
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hải;
- Bà Lê Thị Sinh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tươi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp “Ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2025/QĐXXST-HN ngày 05 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2025/QĐXXST-HN ngày 23 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Thu T, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh. Số CCCD: 072182016178, ngày cấp: 06/8/2022.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Hồ V, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh. Số CMND: 290740579.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Bùi Thị Thu T trình bày:* Chị và anh V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn ở UBND xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Huỳnh Thị Bảo C, sinh ngày 01/01/2006 và Huỳnh Bảo T1, sinh ngày 14/10/2009 hiện anh chị đang nuôi dưỡng. Trong thời gian chung sống anh V không phụ giúp kinh tế gia đình, lại đam mê cờ bạc, uống rượu và khi nào có tiền thì quen biết với người phụ nữ

người khác. Từ đó vợ chồng cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị đã nộp đơn ly hôn và tha thứ cho anh V nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng Huỳnh Bảo T1, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi. Riêng Huỳnh Thị Bảo C hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Huỳnh Hồ V trình bày*: Anh thừa nhận lời trình bày của chị T là đúng, riêng nguyên nhân mâu thuẫn là không đúng. Anh nhận thấy khi nào anh đi làm có tiền thì gia đình rất vui vẻ, khi nào anh làm không có tiền thì vợ chồng không hạnh phúc, anh thừa nhận có uống rượu nhưng khi làm xong anh mới uống với bạn bè, mặc dù vậy anh cũng không làm khó gì cho vợ con, còn cờ bạc thì hoàn toàn không có. Thực tế, chị T đam mê ca hát với nhau, anh không đồng ý từ đó thường xuyên cãi vã, không hạnh phúc. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn mà yêu cầu được đoàn tụ vì anh còn thương vợ thương con. Trường hợp ly hôn:

Về con chung: Anh đồng ý cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con tên Huỳnh Bảo T1, anh không cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Huỳnh Thị Bảo C hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án*:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Thu T đối với anh Huỳnh Hồ V. Con chung, giao cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Bảo T1, anh V không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Riêng cháu Huỳnh Thị Bảo C hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết. Tài sản chung, anh chị không yêu cầu nên không xem xét giải

quyết. Về nợ chung, chị T và anh V khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và anh V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Bùi Thị Thu T và anh Huỳnh Hồ Vũ kết H trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng: Anh chị chung sống từ năm 2005, trong thời gian sống chung anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh V thường xuyên uống rượu, không phụ giúp kinh tế gia đình, mặc dù sống chung nhưng chị T và anh V không quan tâm chăm sóc lẫn nhau và chị T đã nộp đơn, rút đơn nhiều lần nhằm tạo cơ hội cho anh V sửa đổi nhưng anh V vẫn không thay đổi. Do đó, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Bảo T1, sinh ngày 14/10/2009, anh V đồng ý, hơn nữa nguyện vọng của cháu T1 sống với chị T nên cần giao cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 là phù hợp Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Riêng cháu Huỳnh Thị Bảo C, sinh ngày 01/01/2006 hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[6] và nợ chung: Chị T và anh V khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Thu T đối với anh Huỳnh Hồ V. Chị T được ly hôn với anh V.

2. Về con chung: Chị Bùi Thị Thu T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Bảo T1, sinh ngày 14/10/2009, anh V không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Riêng cháu Huỳnh Thị Bảo C, sinh ngày 01/01/2006 hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T và anh V khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000229 ngày 09-7-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA. TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12-TN;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Tiên Thuận (xã Bến Cầu) (Số 54/2007);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vui